VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BTTTT ngày 25 tháng 8 năm 2020 hợp nhất Thông tư hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020

(Tiếp theo Công báo số 853 + 854)

PHỤ LỤC
BIỂU MẪU CHƯƠNG TRÌNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Doanh nghiệp:...
Tỉnh:...

Mẫu 03/DV Phụ biểu 01
(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH MẶT ĐẤT TRẢ SAU VÀ DỊCH VỤ THÔNG TIN DI ĐỘNG MẶT ĐẤT TRẢ SAU CHO HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

Năm...

STT	Mã huyện	Tên huyện	DỊCH VỤ MẠNG ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH					DỊCH VỤ MẠNG ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG					Ghi chú
			Số lượng thuê bao đến 30/6 năm thực hiện	**Số liệu ước năm thực hiện**		**Số liệu năm kế hoạch**		*Số lượng thuê bao đến 30/6 năm thực hiện*	**Số liệu ước năm thực hiện**		**Số liệu năm kế hoạch**		
				Sản lượng (lượt thuê bao)	*Kinh phí (đồng)*	*Sản lượng (lượt thuê bao)*	*Kinh phí (đồng)*		*Sản lượng (lượt thuê bao)*	*Kinh phí (đồng)*	*Sản lượng (lượt thuê bao)*	*Kinh phí (đồng)*	
A	B	C	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	11
1													
2													
...		**Cộng:**											

..... ngày.... tháng.... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký ghi rõ họ tên)

Ghi chú:
- Cột (1), cột (6) số lượng thuê bao thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hiện có đến ngày 30/6.
- Cột (2), (7) sản lượng lượt thuê bao là số lượng thuê bao nhân số tháng hỗ trợ, ví dụ một thuê bao được hỗ trợ 12 tháng thì sản lượng được tính 12 lượt.
- Cột (3), Cột (5), cột (8) cột (10), kinh phí bằng Mức hỗ trợ nhân với Sản lượng (lượt thuê bao).
- Số liệu ước năm thực hiện là số liệu đã thực hiện Quý 1, 2 và số liệu ước thực hiện Quý 3,4 của năm thực hiện.
- Doanh nghiệp tổng hợp số liệu Toàn quốc theo mã tỉnh, tên tỉnh với nội dung như Mẫu 03/DV Phụ biểu 01.

Doanh nghiệp:...
Tỉnh:...

Mẫu 03/DV Phụ biểu 02 [24]
(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET BĂNG RỘNG CỐ ĐỊNH TRẢ SAU CHO TRƯỜNG HỌC, BỆNH VIỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Năm...

STT	Tên huyện	Mã huyện	Số lượng thuê bao đến 30/6 năm thực hiện	Số liệu ước năm thực hiện		Số liệu năm kế hoạch			Ghi chú
				Sản lượng (lượt thuê bao)	*Kinh phí (đồng)*	*Sản lượng (lượt thuê bao)*	*Mức hỗ trợ (đồng)*	*Kinh phí (đồng)*	
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4*5*	*7*
I	**Huyện A**								
1	Trường học								
	Gói cước từ 4Mbps đến dưới 12Mbps								
	Gói cước từ 12 Mbps đến dưới 32Mbps								
	Gói cước từ 32 Mbps đến dưới 45Mbps								
	Gói cước từ 45Mbps trở lên								

[24] Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 3.1 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

2	Bệnh viện								
	Gói cước từ 4Mbps đến dưới 12Mbps								
	Gói cước từ 12 Mbps đến dưới 32Mbps								
	Gói cước từ 32 Mbps đến dưới 45Mbps								
	Gói cước từ 45Mbps trở lên								
3	UBND xã								
	Gói cước từ 4Mbps đến dưới 12Mbps								
	Gói cước từ 12 Mbps đến dưới 32Mbps								
	Gói cước từ 32 Mbps đến dưới 45Mbps								
	Gói cước từ 45Mbps trở lên								
II	**Huyện B**								
	...								
	Cộng (I + II...)								

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Số liệu ước năm thực hiện là số liệu đã thực hiện Quý 1, 2 và số liệu ước thực hiện Quý 3, 4 của năm thực hiện.
- Doanh nghiệp tổng hợp số liệu toàn quốc theo mã tỉnh, tên tỉnh với nội dung như Mẫu 03/DV Phụ biểu 02.

Doanh nghiệp:...

Mẫu 03/DV Phụ biểu 03

(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG DI ĐỘNG HÀNG HẢI QUA HỆ THỐNG ĐÀI THÔNG TIN DUYÊN HẢI

Năm...

STT	Tỉnh/Thành phố	Số lượng thuê bao đến 30/6 năm thực hiện	Số liệu ước năm thực hiện			Số liệu năm kế hoạch			Ghi chú
			Sản lượng (lượt thuê bao)	*Sản lượng liên lạc (phút)*	*Kinh phí (đồng)*	*Sản lượng (lượt thuê bao)*	*Sản lượng liên lạc (phút)*	*Kinh phí (đồng)*	
A	*B*		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
1	**Tỉnh A**								
	Cố định nội tỉnh								
	Cố định liên tỉnh								
	Di động								
2	**Tỉnh B**								
...	**Cộng:**								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Số liệu ước năm thực hiện là số liệu đã thực hiện Quý 1, 2 và số liệu ước thực hiện Quý 3,4 của năm thực hiện.
- Kinh phí bằng Mức hỗ trợ nhân với Sản lượng liên lạc (phút).

Doanh nghiệp:...
Tỉnh:...

Mẫu 03/DV phụ biểu 04
(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ KÊNH THUÊ RIÊNG CỐ ĐỊNH MẶT ĐẤT

Năm...

STT	Tên huyện	Mã huyện	Số lượng kênh đến 30/6 năm thực hiện	Số liệu ước năm thực hiện		Số liệu năm kế hoạch		Ghi chú
				Sản lượng (lượt kênh)	*Kinh phí (đồng)*	*Sản lượng (lượt kênh)*	*Kinh phí (đồng)*	
1	*A*	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
2								
3								
4								
5								
6								
7								
...	**Cộng:**							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký ghi rõ họ tên)

Ghi chú:
- Cột (3), cột (5) kinh phí bằng Mức hỗ trợ nhân với Sản lượng (lượt kênh).
- Số liệu ước năm thực hiện là số liệu đã thực hiện Quý 1, 2 và số liệu ước thực hiện Quý 3, 4 của năm thực hiện.
- Doanh nghiệp tổng hợp số liệu Toàn quốc theo mã tỉnh, tên tỉnh với nội dung như Mẫu 03/DV Phụ biểu 04.

Doanh nghiệp:...

Mẫu 03/DV Phụ biểu 05
(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ THIẾT LẬP ĐƯỜNG TRUYỀN DẪN CÁP QUANG RA HUYỆN ĐẢO

Năm...

STT	Tên huyện	Mã huyện	Số liệu ước năm thực hiện		Số liệu năm kế hoạch		Ghi chú
			Giá trị hóa đơn	*Kinh phí hỗ trợ (đồng)*	*Giá trị hóa đơn*	*Kinh phí hỗ trợ (đồng)*	
1	*A*	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*
2							
3							
4							
5							
...	**Cộng:**						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký ghi rõ họ tên)

Ghi chú:
- Cột (2), cột (4) kinh phí bằng tỷ lệ hỗ trợ nhân với giá trị trước thuế VAT trên hóa đơn thuê sợi cáp quang.
- Số liệu ước năm thực hiện là số liệu đã thực hiện Quý 1, 2 và số liệu ước thực hiện Quý 3, 4 của năm thực hiện.

Doanh nghiệp:...
Tỉnh:...

Mẫu 03/DV phụ biểu 06
(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ DUY TRÌ ĐIỂM TRUY NHẬP INTERNET CÔNG CỘNG

Năm...

STT	Mã huyện	Mã huyện	Số điểm ước đến 30/6 năm thực hiện	Số liệu ước năm thực hiện		Số liệu năm kế hoạch		Ghi chú
				Sản lượng (lượt điểm)	*Kinh phí (đồng)*	*Sản lượng (lượt điểm)*	*Kinh phí (đồng)*	
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
2								
3								
4								
5								
6								
7								
...	**Cộng:**							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký ghi rõ họ tên)

Ghi chú:
- Cột (3), cột (5) kinh phí bằng Mức hỗ trợ nhân với Sản lượng (lượt điểm).
- Số liệu ước năm thực hiện là số liệu đã thực hiện Quý 1, 2 và số liệu ước thực hiện Quý 3, 4 của năm thực hiện.
- Doanh nghiệp tổng hợp Toàn quốc theo mã tỉnh, tên tỉnh với nội dung như Mẫu 03/DV Phụ biểu 06.

Doanh nghiệp:...

Mẫu 03/DV Phụ biểu 07

(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ TRUYỀN DẪN TÍN HIỆU TRUYỀN HÌNH SỐ PHỤC VỤ TRUYỀN HÌNH SỬ DỤNG BĂNG TẦN KU CỦA VỆ TINH VINASAT

Năm...

STT	Tên tỉnh	Mã tỉnh	Số kênh chương trình đến 30/6 năm thực hiện	Số liệu ước năm thực hiện		Số liệu năm kế hoạch		Ghi chú
				Sản lượng (lượt kênh)	*Kinh phí (đồng)*	*Sản lượng (lượt kênh)*	*Kinh phí (đồng)*	
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
2								
3								
4								
5								
6								
7								
...	**Cộng:**							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Cột (3), cột (5) kinh phí bằng Mức hỗ trợ nhân với Sản lượng (lượt kênh).
- Số liệu ước năm thực hiện là số liệu đã thực hiện Quý 1, 2 và số liệu ước thực hiện Quý 3, 4 của năm thực hiện.

Doanh nghiệp:...

Mẫu 03/DV Phụ biểu 08 [25]

(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG KHẨN CẤP VÀ HỖ TRỢ TRA CỨU SỐ ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH

Năm...

STT	Tỉnh/Thành phố	Số dịch vụ	Số liệu ước năm thực hiện		Số liệu năm kế hoạch			Ghi chú
			Sản lượng (phút)	*Kinh phí (đồng)*	*Sản lượng (phút)*	*Mức hỗ trợ (đồng)*	*Kinh phí (đồng)*	
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1	**Tỉnh A**							
-	Xuất phát từ thuê bao điện thoại cố định mặt đất							
		113						
		114						
		115						
		116						

[25] Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 3.2 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

-	Xuất phát từ thuê bao thông tin di động mặt đất							
		113						
		114						
		115						
2	**Tỉnh B**							
-	Xuất phát từ thuê bao điện thoại cố định mặt đất							
		113						
		114						
		115						
		116						
-	Xuất phát từ thuê bao thông tin di động mặt đất							
		113						
		114						
		115						
...								
	Cộng:							

..... ngày .... tháng .... năm .....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký ghi rõ họ tên)

Ghi chú: - Số liệu ước năm thực hiện là số liệu đã thực hiện Quý 1, 2 và số liệu ước thực hiện Quý 3, 4 của năm thực hiện.

Doanh nghiệp:...

Mẫu 03/DV Phụ biểu 09

(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG DI ĐỘNG HÀNG HẢI PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM CỨU NẠN TRÊN BIỂN QUA HỆ THỐNG ĐÀI THÔNG TIN DUYÊN HẢI

Năm...

STT	Số lượng sự kiện đến 30/6 năm thực hiện	Số liệu ước năm thực hiện		Số liệu năm kế hoạch		Ghi chú
		Sản lượng (phút)	*Kinh phí (đồng)*	*Sản lượng (phút)*	*Kinh phí (đồng)*	
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1						
2						
3						
4						
...						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Cột (1) số lượng sự kiện đến 30/6 là tổng số sự kiện phát sinh từ đầu năm đến hết 30/6 năm thực hiện.
- Thời gian bắt đầu và thời điểm kết thúc sự kiện được tính từ thời điểm Cơ quan chủ trì tìm kiếm, cứu nạn yêu phát và dừng phát thông tin tìm kiếm, cứu nạn về người, phương tiện đang gặp nguy hiểm trên biển.
- Cột (3), cột (5) kinh phí bằng Mức hỗ trợ nhân với Sản lượng (phút).
- Số liệu ước năm thực hiện là số liệu đã thực hiện Quý 1, 2 và số liệu ước thực hiện Quý 3, 4 của năm thực hiện.

Doanh nghiệp:...

Mẫu 03/DV Phụ biểu 10 [26]
(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

Năm...

STT	Dịch vụ	Số liệu ước năm thực hiện			Số liệu năm kế hoạch				Ghi chú
		Sản lượng	*Đơn vị*	*Kinh phí (đồng)*	*Sản lượng*	*Đơn vị*	*Mức hỗ trợ (đồng)*	*Kinh phí (đồng)*	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=5*6*	*8*
1	Thuê kênh băng C - VINASAT		MHz			MHz			
2	Thuê bao VSAT-IP								
	Thuê bao VSAT-IP		Lượt thuê bao			Lượt thuê bao			
	Thoại/Fax		Phút			Phút			
3	Truy nhập Internet của trạm VSAT-IP		Ngày			Ngày			

[26] Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 3.3 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

4	Thuê kênh riêng IP								
	2 Mbps		Ngày/kênh			Ngày/kênh			
	1 Mbps		Ngày/kênh			Ngày/kênh			
	512 Kbps		Ngày/kênh			Ngày/kênh			
	256 Kbps		Ngày/kênh			Ngày/kênh			
	128 Kbps		Ngày/kênh			Ngày/kênh			
	64 Kbps		Ngày/kênh			Ngày/kênh			
5	Thiết lập mạng dùng riêng VPN								
	2 Mbps		Ngày/kênh			Ngày/kênh			
	1 Mbps		Ngày/kênh			Ngày/kênh			
	512 Kbps		Ngày/kênh			Ngày/kênh			
	256 Kbps		Ngày/kênh			Ngày/kênh			
	128 Kbps		Ngày/kênh			Ngày/kênh			
	64 Kbps		Ngày/kênh			Ngày/kênh			
6	Viễn thông vệ tinh Inmarsat								
	Inmarsat trả sau loại IsatPhone		Lượt thuê bao			Lượt thuê bao			
	Inmarsat trả sau loại BGAN		Lượt thuê bao			Lượt thuê bao			

	Thoại đến mạng cố định		Phút			Phút			
	Thoại đến mạng di động		Phút			Phút			
	Thoại đến BGAN Family		Phút			Phút			
	Thoại đến Inmarsat IsatPhone		Phút			Phút			
	Tin nhắn (SMS)		Tin nhắn			Tin nhắn			
	Background IP		Mbyte			Mbyte			
	Fax 3.1 kHz/ISDN đến BGAN Family		Phút			Phút			
	Đến các mạng vệ tinh khác		Phút			Phút			
	Cộng								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký ghi rõ họ tên)

Mẫu 03/DV Phụ biểu 11 [27]

Doanh nghiệp:... (Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

KẾ HOẠCH TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Năm.....

STT	Tỉnh/ Thành phố	Kế hoạch kinh phí theo dịch vụ													Kế hoạch kinh phí theo tỉnh	Ghi chú
		Dịch vụ ĐT cố định HN, HCN	Dịch vụ thông tin di động HN, HCN	Internet TH, BV, UB xã	Di động hàng hải qua HF	Thuê kênh cố định mặt đất	Đường truyền dẫn cáp quang ra đảo	Điểm TN Internet công cộng	Truyền hình sử dụng băng tần Ku của vinasat	Dịch vụ khẩn cấp, dịch vụ tra cứu ĐT	Tìm kiếm cứu nạn trên biển qua HF	Hoạt động c/đạo đ/hành phòng chống thiên tai	Dịch vụ vệ tinh ra đảo	Dịch vụ viba số ra đảo		
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	An Giang															
2	...															
	Cộng:															

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: - Số liệu Cột (10), Cột (11) được tổng hợp trên toàn quốc.

[27] Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 3.4 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

Mẫu 03/DV Phụ biểu 12 [28]
(Ban hành theo Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT)

Doanh nghiệp:...

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ THUÊ TRUYỀN DẪN VIBA SỐ RA HUYỆN ĐẢO

Năm...

STT	Mã huyện	Tên đảo	Số liệu ước năm thực hiện		Số liệu năm kế hoạch		Ghi chú
			Giá trị hóa đơn	*Kinh phí hỗ trợ (đồng)*	*Giá trị hóa đơn*	*Kinh phí hỗ trợ (đồng)*	
1	*A*	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*
2							
3							
4							
5							
...							
	Cộng:						

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Cột (2), Cột (4) kinh phí bằng tỷ lệ hỗ trợ nhân với giá trị trước thuế VAT trên hóa đơn thuê truyền dẫn viba số.
- Số liệu ước năm thực hiện là số liệu đã thực hiện Quý 1, 2 và số liệu ước thực hiện Quý 3, 4 của năm thực hiện.

---

[28] Phụ biểu này được bổ sung theo quy định tại c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 3.5 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

Mẫu 03/DV Phụ biểu 13 [29]
(Ban hành theo Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT)

Doanh nghiệp:...

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ THUÊ KÊNH TRUYỀN DẪN VỆ TINH RA HUYỆN ĐẢO

Năm...

STT	Mã huyện	Tên huyện	Tên đảo	Số liệu ước năm thực hiện		Số liệu năm kế hoạch		Ghi chú
				Sản lượng (Mhz)	*Kinh phí hỗ trợ (đồng)*	*Sản lượng (Mhz)*	*Kinh phí hỗ trợ (đồng)*	
A	*B*	*C*	*D*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*
1								
2								
3								
4								
...								
	Cộng:							

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Cột (2), Cột (4) kinh phí bằng Mức hỗ trợ nhân với Sản lượng (Mhz).
- Số liệu ước năm thực hiện là số liệu đã thực hiện Quý 1, 2 và số liệu ước thực hiện Quý 3, 4 của năm thực hiện.

[29] Phụ biểu này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 3.6 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

Mẫu 04/DV

HỢP ĐỒNG (MẪU)

ĐẶT HÀNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

ĐẶT HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Số: /HĐ/VTCI

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

- Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

- Căn cứ Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020;

- Căn cứ Quyết định số /QĐ-BTTTT ngày tháng năm của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt kế hoạch cung ứng dịch vụ viễn thông công ích năm;

Hôm nay, ngày tháng năm 20 , chúng tôi, đại diện cho các Bên ký Hợp đồng, gồm có:

Bên A - Bên đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích - (Tên Bên A):

Bên B - Bên nhận đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích - (Tên Bên B):

Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ dịch vụ viễn thông công ích với các nội dung sau:

Điều 1. Giải thích từ ngữ:

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Điều 2. Đối tượng hợp đồng

Bên B nhận cung ứng các dịch vụ viễn thông công ích như các Phụ lục kèm theo hợp đồng theo đúng yêu cầu của Bên A.

Điều 3. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng gồm:

1. Văn bản Hợp đồng;

2. Các Phụ lục *(số phụ lục)* kèm theo Hợp đồng. Các phụ lục là bộ phận không tách rời Hợp đồng này.

3. Các thỏa thuận (nếu có) giữa hai bên tiến hành theo đúng các quy định của hợp đồng.

Điều 4. Tiêu chuẩn chất lượng và giá cước

Bên B đảm bảo thực hiện việc cung ứng các dịch vụ viễn thông công ích nêu tại Điều 2 của Hợp đồng đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng và giá cước viễn thông công ích theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 5. Khu vực, địa điểm cung ứng dịch vụ viễn thông công ích

Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong năm 20.....

Điều 7. Giá trị Hợp đồng

1. Tổng giá trị của Hợp đồng là (tạm tính):..... đồng.

(Số tiền bằng chữ:.....)

Hai bên thống nhất sẽ điều chỉnh giá trị Hợp đồng sau khi có Quyết định phê duyệt kế hoạch kinh phí hỗ trợ cung ứng dịch vụ viễn thông công ích năm 20..... của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Trường hợp Bên B thực hiện cung ứng dịch vụ viễn thông công ích vượt chỉ tiêu được đặt hàng tại Hợp đồng này do phát sinh đối tượng thụ hưởng trong năm

và lưu lượng liên lạc thực tế thì hai bên thống nhất áp dụng các nguyên tắc thanh toán bổ sung.

Điều 8. Tạm ứng, thanh toán kinh phí thực hiện Hợp đồng

.....

Điều 9. Trách nhiệm của Bên B

.....

Điều 10. Trách nhiệm của Bên A

.....

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

1. Hai bên không được tự ý sửa đổi, bổ sung các nội dung hợp đồng đã ký kết.

2. Khi một bên có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng thì phải thông báo để bên kia tiến hành thương thảo thay đổi nội dung hợp đồng đã ký kết. Trong phạm vi 10 ngày làm việc, Bên nhận được đề nghị có trách nhiệm trả lời bên kia các ý kiến cần sửa đổi.

3. Mọi thỏa thuận về sửa đổi, bổ sung Hợp đồng được hai bên thể hiện bằng Biên bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng và được lập thành Phụ lục sửa đổi bổ sung Hợp đồng được hai bên ký kết và là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 12. Vi phạm Hợp đồng

1. Vi phạm từ Bên B:

a) Trường hợp Bên B vi phạm các nội dung về giá cước, chất lượng dịch vụ thì Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp vi phạm nghiêm trọng, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

b) Trường hợp Bên B cung ứng dịch vụ viễn thông công ích không đúng địa điểm, không đúng đối tượng được hỗ trợ như Hợp đồng, Bên A có quyền không thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với sản lượng dịch vụ viễn thông cung ứng không đúng theo Hợp đồng.

c) Trường hợp Bên B không thực hiện nghĩa vụ báo cáo tình hình thực hiện cung ứng các dịch vụ viễn thông công ích theo quy định của nhà nước; Bên A không có nghĩa vụ phải bồi thường các thiệt hại kinh tế cho Bên B do việc không nhận được tiền tạm ứng, thanh toán kinh phí theo đúng tiến độ thỏa thuận trong Hợp đồng.

2. Vi phạm từ Bên A:

a) Trong trường hợp Bên A tạm ứng, thanh toán kinh phí hỗ trợ chậm cho Bên B quá thời gian quy định 01 tháng, mà không có lý do được Bên B chấp thuận thì phải trả lãi số tiền chậm thanh toán theo lãi suất tiền vay trung hạn của Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam cùng thời điểm tương ứng.

b) Trường hợp Bên A tự ý hủy bỏ, hoặc thay đổi Hợp đồng mà không phải do những lý do bất khả kháng như khoản 1 Điều 14 dưới đây thì phải chịu bồi thường thiệt hại cho Bên B. Mức bồi thường do hai bên thỏa thuận. Trường hợp hai bên không thỏa thuận được mà một hoặc cả hai bên đưa vụ việc ra Tòa án, hai bên thống nhất chấp thuận theo phán quyết của Tòa án Thành phố Hà Nội.

Điều 13. Thủ tục chấm dứt Hợp đồng do vi phạm

1. Nếu một trong hai bên có vi phạm nghiêm trọng những điều khoản đã ký kết trong Hợp đồng thì Bên kia có quyền đơn phương chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng và trong vòng 07 ngày và phải có văn bản thông báo cho Bên kia biết.

2. Trong trường hợp hợp đồng bị chấm dứt thực hiện một phần thì Bên A có quyền ký hợp đồng với đơn vị cung ứng dịch vụ viễn thông công ích khác thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt. Bên B vẫn có trách nhiệm thực hiện tiếp phần hợp đồng không bị chấm dứt hiệu lực.

Điều 14. Trường hợp bất khả kháng

1. Hai bên thống nhất rằng, trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay đổi chính sách, chế độ, trường hợp có chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch, cấm vận là các trường hợp bất khả kháng cho tất cả các bên và không bên nào có quyền đòi hỏi việc bù đắp thiệt hại (nếu có) từ Bên còn lại.

2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, các bên phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho nhau và cùng phối hợp giải quyết.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Khi phát sinh tranh chấp trước hết hai bên sẽ tiến hành thương lượng, hòa giải.

2. Trong trường hợp hai bên vẫn không thỏa thuận được với nhau thì có quyền gửi yêu cầu đến Tòa án Thành phố Hà Nội giải quyết.

Điều 16. Phối hợp làm việc và tổ chức thanh lý Hợp đồng

Điều 17. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký kết giữa hai bên.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi:

a) Hai bên hoàn thành thanh lý Hợp đồng;

b) Hợp đồng bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố vô hiệu.

Hợp đồng được lập thành 8 bộ, mỗi bộ có... trang, đánh số thứ tự từ trang 01 đến trang (bao gồm cả các Phụ lục Hợp đồng) mỗi bên giữ 04 bộ, các bộ Hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**

MẪU 05/DV - Báo cáo sản lượng thực hiện

Phụ biểu 01 - Công văn đề nghị nghiệm thu sản lượng, kinh phí hỗ trợ quý

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

Tên doanh nghiệp	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.....	
Về việc.....	*....., ngày... tháng.... năm ...*

ĐỀ NGHỊ NGHIỆM THU SẢN LƯỢNG, KINH PHÍ HỖ TRỢ

Quý.....

Kính gửi: Ban Quản lý Chương trình viễn thông công ích

Thực hiện Hợp đồng đặt hàng.....

Doanh nghiệp..... đã thực hiện hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích Quý.... năm... (có Phụ lục báo cáo sản lượng và kinh phí kèm theo)...

.....

.....

Đề nghị Ban Quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tổ chức nghiệm thu theo quy định

	Lãnh đạo doanh nghiệp
Nơi nhận:	(Ký tên, đóng dấu)
.....	

Doanh nghiệp:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 02[30]
(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BÁO CÁO SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Quý... năm...

STT	Dịch vụ	Sản lượng đã hỗ trợ		Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Sản lượng	Đơn vị		
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*
1	Dịch vụ điện thoại cố định mặt đất trả sau				
2	Dịch vụ thông tin di động mặt đất trả sau				
3	Dịch vụ viễn thông di động hàng hải phục vụ hoạt động tìm kiếm cứu nạn trên biển				
4	Dịch vụ viễn thông di động hàng hải qua hệ thống đài thông tin duyên hải				
5	Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định trả sau cho trường học, bệnh viện, Ủy ban nhân dân xã				

[30] Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại quy định tại điểm d khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 4.1 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

6	Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định trả sau tại các điểm truy nhập Internet băng rộng				
7	Dịch vụ thuê kênh riêng cố định mặt đất				
8	Dịch vụ truyền dẫn tín hiệu truyền hình số qua băng Ku của vệ tinh VINASAT				
9	Dịch vụ trợ giúp tra cứu số thuê bao điện thoại cố định và Dịch vụ viễn thông bắt buộc				
10	Dịch vụ thuê kênh truyền dẫn cáp quang trên cơ sở hạ tầng cáp quang của EVN				
11	Dịch vụ thuê kênh truyền dẫn vệ tinh để cung cấp dịch vụ băng rộng cho các huyện đảo				
12	Dịch vụ thuê truyền dẫn viba số để cung cấp dịch vụ băng rộng cho các huyện đảo				
13	Dịch vụ viễn thông vệ tinh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai				

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Doanh nghiệp:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 03 [31]
(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BẢNG KÊ HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO ĐƯỢC HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH MẶT ĐẤT TRẢ SAU VÀ DỊCH VỤ THÔNG TIN DI ĐỘNG MẶT ĐẤT TRẢ SAU

Quý... năm...

STT	Mã huyện	Mã xã	Tên chủ hộ	Số CMND của chủ hộ	Mã số hộ	Địa chỉ	Tên chủ thuê bao	Số điện thoại		Số hợp đồng	Số tiền thực tế sử dụng (đồng)			Kinh phí đề nghị hỗ trợ (đồng)			Số hóa đơn			Ghi chú
								Cố định	*Di động*		Tháng thứ nhất	Tháng thứ hai	Tháng thứ ba	Tháng thứ nhất	Tháng thứ hai	Tháng thứ ba	Tháng thứ nhất	Tháng thứ hai	Tháng thứ ba	
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
1																				
2																				
...																				

Ghi chú: Doanh nghiệp viễn thông chỉ báo cáo những thuê bao có sử dụng dịch vụ điện thoại cố định mặt đất trả sau, dịch vụ thông tin di động trong quý và gửi bản mềm về Ban Quản lý Chương trình.

Cột (9), (10), (11): Ghi số tiền thực tế do khách hàng sử dụng dịch vụ.

Cột (12), (13), (14): Ghi giá trị kinh phí doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ.

Cột (15), (16), (17): Ghi số trên hóa đơn được lập khi doanh nghiệp bán dịch vụ cho khách hàng.

---

[31] Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại quy định tại điểm d khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 4.2 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

Doanh nghiệp:...

Tỉnh:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 04

(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BÁO CÁO SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH MẶT ĐẤT TRẢ SAU CHO HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

Quý... năm...

STT	Mã huyện	Mã xã	Sản lượng				Kinh phí				Ghi chú
			Tháng thứ nhất (thuê bao)	**Tháng thứ hai** (thuê bao)	**Tháng thứ ba** (thuê bao)	**Tổng sản lượng** (lượt thuê bao)	**Tháng thứ nhất** (đồng)	**Tháng thứ hai** (đồng)	**Tháng thứ ba** (đồng)	**Tổng kinh phí hỗ trợ** (đồng)	
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4=1+2+3*	*5*	*6*	*7*	*8=5+6+7*	*9*
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
...											

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**GIÁM ĐỐC**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

Doanh nghiệp viễn thông chỉ tổng hợp những thuê bao có sử dụng dịch vụ điện thoại cố định mặt đất trả sau hoặc dịch vụ thông tin di động trong tháng.

Doanh nghiệp:...

Tỉnh:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 05

(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BÁO CÁO SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ DỊCH VỤ THÔNG TIN DI ĐỘNG MẶT ĐẤT TRẢ SAU CHO HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

Quý...năm...

STT	Mã huyện	Mã xã	Sản lượng				Kinh phí				Ghi chú
			Tháng thứ nhất (thuê bao)	**Tháng thứ hai** (thuê bao)	**Tháng thứ ba** (thuê bao)	**Tổng sản lượng** (lượt thuê bao)	**Tháng thứ nhất** (đồng)	**Tháng thứ hai** (đồng)	**Tháng thứ ba** (đồng)	**Tổng kinh phí hỗ trợ** (đồng)	
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4=1+2+3*	*5*	*6*	*7*	*8=5+6+7*	*9*
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
...											

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**GIÁM ĐỐC**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

Doanh nghiệp viễn thông chỉ tổng hợp những thuê bao có sử dụng dịch vụ điện thoại cố định mặt đất trả sau hoặc dịch vụ thông tin di động trong tháng.

Doanh nghiệp:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 06

(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BÁO CÁO SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH MẶT ĐẤT TRẢ SAU VÀ DỊCH VỤ THÔNG TIN DI ĐỘNG MẶT ĐẤT TRẢ SAU CHO HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

Quý... năm...

STT	Tỉnh/Thành phố	Dịch vụ điện thoại cố định mặt đất trả sau		Dịch vụ thông tin di động mặt đất trả sau		Ghi chú
		Tổng số lượt thuê bao được hỗ trợ trong quý (lượt thuê bao)	**Kinh phí hỗ trợ trong quý** (đồng)	**Tổng số lượt thuê bao được hỗ trợ trong quý** (lượt thuê bao)	**Kinh phí hỗ trợ trong quý** (đồng)	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
...						

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Doanh nghiệp:...
Tỉnh:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 07
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BẢNG KÊ TRƯỜNG HỌC, BỆNH VIỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ ĐƯỢC HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET BĂNG RỘNG CỐ ĐỊNH TRẢ SAU

Tháng... năm...

STT	**Mã huyện**	**Mã xã**	**Tên trường học, bệnh viện, ủy ban nhân dân xã**	**Địa chỉ lắp đặt**	**Mã thuê bao**	**Số hợp đồng**	**Gói cước truy nhập**	**Số hóa đơn**	**Cước truy nhập** (đồng)	**Kinh phí hỗ trợ** (đồng)	**Ghi chú**
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
1											
2											
3											
4											
5											
...											

Ghi chú: Doanh nghiệp viễn thông chỉ báo cáo những thuê bao có sử dụng dịch vụ trong tháng và gửi bản mềm về Ban Quản lý Chương trình.

Cột (6): Ghi số trên hóa đơn được lập khi doanh nghiệp bán dịch vụ cho khách hàng.

Cột (7): Ghi giá trị cước phát sinh (chưa bao gồm thuế VAT) do khách hàng sử dụng dịch vụ.

Cột (8): Ghi giá trị kinh phí doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ.

Doanh nghiệp:...

Tỉnh:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 08 [32]

(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BÁO CÁO SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET BĂNG RỘNG CỐ ĐỊNH TRẢ SAU CHO TRƯỜNG HỌC, BỆNH VIỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Quý...năm...

STT	Mã huyện	Mã xã	Sản lượng				Gói cước truy nhập	Kinh phí				Ghi chú
			Tháng thứ nhất (thuê bao)	**Tháng thứ hai** (thuê bao)	**Tháng thứ ba** (thuê bao)	**Tổng số** (lượt thuê bao)		**Tháng thứ nhất** (đồng)	**Tháng thứ hai** (đồng)	**Tháng thứ ba** (đồng)	**Tổng kinh phí hỗ trợ** (đồng)	
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4=1+2+3*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=6+7+8*	*10*
I	Mã huyện A											
1		Mã xã 1										

[32] Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại quy định tại điểm d khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 4.3 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

		Gói cước từ 4Mbps đến dưới 12Mbps										
		Gói cước từ 12 Mbps đến dưới 32Mbps										
		Gói cước từ 32 Mbps đến dưới 45Mbps										
		Gói cước từ 45Mbps trở lên										
		Mã xã 2										
...	**Cộng**											

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**GIÁM ĐỐC**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

Doanh nghiệp:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 09 [33]

(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BÁO CÁO SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET BĂNG RỘNG CỐ ĐỊNH TRẢ SAU CHO TRƯỜNG HỌC, BỆNH VIỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Quý... năm...

STT	**Tỉnh/Thành phố**	**Tổng số lượt thuê bao được hỗ trợ trong quý** (lượt thuê bao)	**Gói cước truy nhập**	**Kinh phí hỗ trợ** (đồng)	**Ghi chú**
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*
1	Tỉnh A				
	Gói cước từ 4Mbps đến dưới 12Mbps				
	Gói cước từ 12 Mbps đến dưới 32Mbps				
	Gói cước từ 32 Mbps đến dưới 45Mbps				

[33] Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại quy định tại điểm d khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 4.4 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

	Gói cước từ 45Mbps trở lên				
2	Tỉnh B				
	Gói cước từ 4Mbps đến dưới 12Mbps				
	Gói cước từ 12 Mbps đến dưới 32Mbps				
	Gói cước từ 32 Mbps đến dưới 45Mbps				
	Gói cước từ 45Mbps trở lên				
3	...				

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**GIÁM ĐỐC**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

Doanh nghiệp:...

Tỉnh:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 10 [34]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BẢNG KÊ ĐIỂM TRUY NHẬP INTERNET CÔNG CỘNG ĐƯỢC HỖ TRỢ DUY TRÌ

Tháng... năm...

STT	Mã huyện	Mã xã	Tên điểm truy nhập	Địa chỉ lắp đặt	Mã thuê bao	Số hợp đồng	Số hóa đơn	Cước truy nhập (đồng)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Số lượng máy tính truy nhập	Ghi chú
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
1											
2											
3											
...											

[34] Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại quy định tại điểm d khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 4.5 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

Ghi chú: Doanh nghiệp viễn thông chỉ báo cáo những điểm có cung cấp dịch vụ trong tháng và gửi bản mềm về Ban Quản lý Chương trình.

Cột (5): Ghi số trên hóa đơn được lập khi doanh nghiệp bán dịch vụ cho khách hàng.

Cột (6): Ghi giá trị cước phát sinh (chưa bao gồm thuế VAT) do khách hàng sử dụng dịch vụ.

Cột (7): Ghi giá trị kinh phí doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ.

Cột (8): Ghi số lượng máy tính thực tế cung cấp dịch vụ truy nhập Internet công cộng trong tháng.

Doanh nghiệp:...

Tỉnh:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 11

(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BÁO CÁO SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ DUY TRÌ ĐIỂM TRUY NHẬP INTERNET CÔNG CỘNG

Quý... năm...

STT	Mã huyện	Mã xã	Sản lượng				Kinh phí				Ghi chú
			Tháng thứ nhất (điểm)	Tháng thứ hai (điểm)	Tháng thứ ba (điểm)	Tổng số (lượt (điểm)	Tháng thứ nhất (đồng)	Tháng thứ hai (đồng)	Tháng thứ ba (đồng)	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4=1+2+3*	*5*	*6*	*7*	*8=5+6+7*	*9*
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
...											

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Doanh nghiệp:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 12

(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BÁO CÁO SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ DUY TRÌ ĐIỂM TRUY NHẬP INTERNET CÔNG CỘNG

Quý... năm...

STT	**Tỉnh/Thành phố**	**Tổng số lượt điểm được hỗ trợ** (lượt điểm)	**Kinh phí hỗ trợ** (đồng)	**Ghi chú**
A	*B*	*1*	*2*	*5*
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
...				

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**GIÁM ĐỐC**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

Doanh nghiệp:...
Tỉnh:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 13
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BẢNG KÊ KÊNH THUÊ RIÊNG CỐ ĐỊNH MẶT ĐẤT ĐƯỢC HỖ TRỢ CỦA CÁC BỆNH VIỆN VỆ TINH, BỆNH VIỆN HẠT NHÂN

Tháng... năm...

STT	Mã huyện	Mã xã	Tên bệnh viện	Địa chỉ lắp đặt	Mã kênh	Số hợp đồng	Tốc độ kênh	Số hóa đơn	Cước thuê kênh	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
...											

Ghi chú: Doanh nghiệp viễn thông chỉ báo cáo những kênh trong tháng và gửi bản mềm về Ban Quản lý Chương trình.
Cột (6): Ghi số trên hóa đơn được lập khi doanh nghiệp bán dịch vụ cho khách hàng.
Cột (7): Ghi giá trị cước thuê kênh (chưa bao gồm thuế VAT) do khách hàng sử dụng dịch vụ.
Cột (8): Ghi giá trị kinh phí doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ.

Doanh nghiệp:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 14
(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BÁO CÁO SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ THUÊ KÊNH RIÊNG CỐ ĐỊNH MẶT ĐẤT CỦA BỆNH VIỆN VỆ TINH, BỆNH VIỆN HẠT NHÂN

Quý... năm...

STT	Tỉnh/Thành phố	Sản lượng				Kinh phí				
		Tháng thứ nhất (kênh)	**Tháng thứ hai** (kênh)	**Tháng thứ ba** (kênh)	**Tổng số** (lượt kênh)	**Tháng thứ nhất** (đồng)	**Tháng thứ hai** (đồng)	**Tháng thứ ba** (đồng)	**Tổng số** (đồng)	**Ghi chú**
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
1										
2										
3										
4										
5										
6										
7										
...										

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**GIÁM ĐỐC**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

Doanh nghiệp:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 15

(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BẢNG KÊ KÊNH CHƯƠNG TRUYỀN DẪN TÍN HIỆU TRUYỀN HÌNH SỐ SỬ DỤNG BĂNG TẦN KU CỦA VỆ TINH VINASAT ĐƯỢC HỖ TRỢ

Tháng... năm....

STT	**Tên đài phát thanh truyền hình**	**Địa chỉ**	**Số hợp đồng**	**Số hóa đơn**	**Cước thuê kênh** (đồng)	**Kinh phí hỗ trợ** (đồng)	**Ghi chú**
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
...							

Ghi chú: Doanh nghiệp viễn thông chỉ báo cáo những kênh chương trình trong tháng và gửi bản mềm về Ban Quản lý Chương trình.

Cột (4): Ghi số trên hóa đơn được lập khi doanh nghiệp bán dịch vụ cho khách hàng.

Cột (5): Ghi giá trị cước thuê kênh (chưa bao gồm thuế VAT) do khách hàng sử dụng dịch vụ.

Cột (6): Ghi giá trị kinh phí doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ.

Doanh nghiệp:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 16

(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BÁO CÁO SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ TRUYỀN DẪN TÍN HIỆU TRUYỀN HÌNH SỐ PHỤC VỤ TRUYỀN HÌNH SỬ DỤNG BĂNG TẦN KU CỦA VỆ TINH VINASAT

Quý... năm....

STT	Tỉnh/Thành phố	Sản lượng				Kinh phí				Ghi chú
		Tháng thứ nhất (kênh)	**Tháng thứ hai** (kênh)	**Tháng thứ ba** (kênh)	**Tổng số** (lượt kênh)	**Tháng thứ nhất** (đồng)	**Tháng thứ hai** (đồng)	**Tháng thứ ba** (đồng)	**Tổng số** (đồng)	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
1										
2										
3										
4										
5										
6										
7										
...										

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Doanh nghiệp:...

Tỉnh:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 17

(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BẢNG KÊ THUÊ BAO VIỄN THÔNG DI ĐỘNG HÀNG HẢI QUA HỆ THỐNG ĐÀI THÔNG TIN DUYÊN HẢI ĐƯỢC HỖ TRỢ

Tháng... năm...

STT	**Tên chủ thuê bao**	**Biển số tàu**	**Mã thuê bao**	**Số hợp đồng**	**Số giấy chứng nhận đăng ký tàu cá**	**Số hóa đơn, chứng từ**	**Lưu lượng liên lạc** (phút)			**Mức hỗ trợ** (đồng)	**Kinh phí hỗ trợ** (đồng)	**Ghi chú**
							Cố định nội tỉnh	*Cố định liên tỉnh*	*Di động*			
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*5*	*6*	*7*	*8*		*9*
2												
3												
...												

Ghi chú: Doanh nghiệp viễn thông chỉ báo cáo những thuê bao có sử dụng dịch vụ trong tháng và gửi bản mềm về Ban Quản lý Chương trình.

Cột (5): Ghi số trên hóa đơn được lập khi doanh nghiệp bán dịch vụ cho khách hàng.

Cột (6): Ghi số lượng phút liên lạc do khách hàng sử dụng dịch vụ.

Cột (8): Ghi giá trị kinh phí doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ.

Doanh nghiệp:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 18 [35]
(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BÁO CÁO SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG DI ĐỘNG HÀNG HẢI QUA HỆ THỐNG ĐÀI THÔNG TIN DUYÊN HẢI

Quý... năm...

STT	Tỉnh/Thành phố	Sản lượng				Kinh phí				Ghi chú
		Tháng thứ nhất (phút)	Tháng thứ hai (phút)	Tháng thứ ba (phút)	Tổng số (phút)	Tháng thứ nhất (đồng)	Tháng thứ hai (đồng)	Tháng thứ ba (đồng)	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
1	**Tỉnh A**									
	Cố định nội tỉnh									
	Cố định liên tỉnh									
	Di động									
2	**Tỉnh B**									
...										

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

[35] Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại quy định tại điểm d khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 4.6 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

Doanh nghiệp:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 19
(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BẢNG KÊ SỰ KIỆN TÌM KIẾM, CỨU NẠN TRÊN BIỂN QUA HỆ THỐNG ĐÀI THÔNG TIN DUYÊN HẢI ĐƯỢC HỖ TRỢ

Tháng... năm...

STT	Mã sự kiện	Sự kiện/ Phương tiện	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Thời lượng sự kiện (giờ)	Mức hỗ trợ (đồng)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
1								
2								
3								
4								
5								
...								

Ghi chú: Doanh nghiệp viễn thông chỉ báo cáo sự kiện trong tháng và gửi bản mềm về Ban Quản lý Chương trình.

Cột (1): Ghi mã hồ sơ sự kiện kèm theo.

Cột (2): Ghi biển số tàu và tính chất tai nạn.

Cột (3), cột (4) Thời gian bắt đầu và thời điểm kết thúc sự kiện được tính từ thời điểm Cơ quan chủ trì tìm kiếm, cứu nạn yêu cầu phát và dừng phát thông tin tìm kiếm, cứu nạn về người, phương tiện đang gặp nguy hiểm trên biển theo quy định.

Cột (6): Mức hỗ trợ

Cột (7): Ghi giá trị kinh phí doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ.

Doanh nghiệp:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 20
(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BÁO CÁO SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG DI ĐỘNG HÀNG HẢI QUA HỆ THỐNG ĐÀI THÔNG TIN DUYÊN HẢI PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM, CỨU NẠN TRÊN BIỂN

Quý... năm...

STT	Sản lượng				Kinh phí				Ghi chú
	Tháng thứ nhất (giờ)	**Tháng thứ hai** (giờ)	**Tháng thứ ba** (giờ)	**Tổng số** (giờ)	**Tháng thứ nhất** (đồng)	**Tháng thứ hai** (đồng)	**Tháng thứ ba** (đồng)	**Tổng số** (đồng)	
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
1									
...									

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Doanh nghiệp:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 21 [36]

(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BÁO CÁO SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG KHẨN CẤP VÀ HỖ TRỢ TRA CỨU SỐ ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH

Quý... năm...

STT	**Tỉnh/Thành phố**	**Tháng thứ nhất** (phút)	**Tháng thứ hai** (phút)	**Tháng thứ ba** (phút)	**Tổng số phút liên lạc trong quý**	**Mức hỗ trợ**	**Kinh phí hỗ trợ** (đồng)	**Ghi chú**
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4=1+2+3*	*5*	*6*	*7*
1	**Tỉnh A**							
	Xuất phát từ thuê bao điện thoại cố định mặt đất							
	113							
	114							
	115							
	116							

[36] Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại quy định tại điểm d khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 4.7 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

	Xuất phát từ thuê bao thông tin di động mặt đất							
	113							
	114							
	115							
2	**Tỉnh B**							
	Xuất phát từ thuê bao điện thoại cố định mặt đất							
	113							
	114							
	115							
	116							
	Xuất phát từ thuê bao thông tin di động mặt đất							
	113							
	114							
	115							
...								
	Cộng:							

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**GIÁM ĐỐC**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

Doanh nghiệp:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 22 [37]

(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BÁO CÁO KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG VỆ TINH PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

Quý... năm....

STT	Tên dịch vụ	Sản lượng					Kinh phí hỗ trợ				Ghi chú
		Đơn vị	Tháng thứ nhất	Tháng thứ hai	Tháng thứ ba	Tổng số	Tháng thứ nhất (đồng)	Tháng thứ hai (đồng)	Tháng thứ ba (đồng)	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5=2+3+4*	*6*	*7*	*8*	*9=6+7+8*	*10*
1	Thuê kênh băng C - VINASAT	MHz									
2	Thuê bao VSAT-IP										

[37] Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại quy định tại điểm d khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 4.8 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

	Thuê bao VSAT-IP	Thuê bao/tháng									
	Thoại/Fax	Phút									
3	Truy nhập Internet của trạm VSAT-IP	Ngày									
4	Thuê kênh riêng IP										
	2 Mbps	Ngày/kênh									
	1 Mbps	Ngày/kênh									
	512 Kbps	Ngày/kênh									
	256 Kbps	Ngày/kênh									
	128 Kbps	Ngày/kênh									
	64 Kbps	Ngày/kênh									
5	Thiết lập mạng dùng riêng VPN										
	2 Mbps	Ngày/kênh									
	1 Mbps	Ngày/kênh									
	512 Kbps	Ngày/kênh									

	256 Kbps	Ngày/kênh									
	128 Kbps	Ngày/kênh									
	64 Kbps	Ngày/kênh									
6	Viễn thông vệ tinh Inmarsat										
	Inmarsat trả sau loại IsatPhone	Thuê bao/ tháng									
	Inmarsat trả sau loại BGAN	Thuê bao/ tháng									
	Thoại đến mạng cố định	Phút									
	Thoại đến mạng di động	Phút									
	Thoại đến BGAN Family	Phút									
	Thoại đến Inmarsat IsatPhone	Phút									
	Tin nhắn (SMS)	Tin nhắn									
	Background IP	Mbyte									

	Fax 3.1 kHz/ISDN đến BGAN Family	Phút									
	Đến các mạng vệ tinh khác	Phút									
	Cộng:										

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Doanh nghiệp:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 23

(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BÁO CÁO SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ THIẾT LẬP ĐƯỜNG TRUYỀN DẪN CÁP QUANG TỪ ĐẤT LIỀN ĐẾN TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CỦA CÁC HUYỆN ĐẢO

Quý.... năm....

STT	Tên huyện đảo	Giá trị hóa đơn				Kinh phí hỗ trợ				Ghi chú
		Tháng thứ nhất (đồng)	Tháng thứ hai (đồng)	Tháng thứ ba (đồng)	Tổng giá trị hóa đơn (đồng)	Tháng thứ nhất (đồng)	Tháng thứ hai (đồng)	Tháng thứ ba (đồng)	Tổng kinh phí hỗ trợ	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4=1+2+3*	*5*	*6*	*7*	*8=5+6+7*	*9*
1										
2										
3										
4										
5										
...										

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3) Ghi giá trị hóa đơn chưa bao gồm thuế VAT.

Cột (4): Ghi tổng giá trị hóa đơn chưa bao gồm thuế VAT.

Cột (5), (6), (7) Ghi kinh phí hỗ trợ.

Cột (8): Ghi tổng kinh phí hỗ trợ.

Doanh nghiệp:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 24 [38]

(Ban hành theo Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT)

BÁO CÁO SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ THUÊ TRUYỀN DẪN VIBA SỐ RA CÁC HUYỆN ĐẢO

Quý... năm....

STT	Mã huyện	Tên huyện	Tên đảo	Giá trị hóa đơn				Kinh phí hỗ trợ				Ghi chú
				Tháng thứ nhất (đồng)	Tháng thứ hai (đồng)	Tháng thứ ba (đồng)	Tổng giá trị hóa đơn (đồng)	Tháng thứ nhất (đồng)	Tháng thứ hai (đồng)	Tháng thứ ba (đồng)	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	
A	*B*	*C*	*D*	*1*	*2*	*3*	*4=1+2+3*	*5*	*6*	*7*	*8=5+6+7*	*9*
1												
2												
	Cộng:											

....., ngày..... tháng..... năm .....

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

Cột (1), Cột (2), Cột (3): Ghi giá trị hóa đơn chưa bao gồm thuế VAT.

Cột (4): Ghi tổng giá trị hóa đơn chưa bao gồm thuế VAT.

---

[38] Phụ biểu này được bổ sung theo quy định tại Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại quy định tại điểm d khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 4.9 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020

Doanh nghiệp:...

MẪU 05/DV Phụ biểu 25 [39]
(Ban hành theo Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT)

BÁO CÁO SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ DỊCH VỤ THUÊ KÊNH TRUYỀN DẪN VỆ TINH RA CÁC HUYỆN ĐẢO

Quý... năm....

STT	Mã huyện	Tên huyện	Tên đảo	Sản lượng				Kinh phí hỗ trợ				Ghi chú
				Tháng thứ nhất (Mhz)	Tháng thứ hai (Mhz)	Tháng thứ ba (Mhz)	Tổng số (Mhz)	Tháng thứ nhất (đồng)	Tháng thứ hai (đồng)	Tháng thứ ba (đồng)	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	
A	*B*	*C*	*D*	*1*	*2*	*3*	*4=1+2+3*	*5*	*6*	*7*	*8=5+6+7*	*9*
1												
2												
	Cộng:											

....., ngày..... tháng.... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

[39] Phụ biểu này được bổ sung theo quy định tại Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại quy định tại điểm d khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 4.9 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

Ghi chú:

Cột (1), Cột (2), Cột (3): Ghi dung lượng kênh thuê (Mhz).

Cột (4): Ghi tổng số Mhz.

Cột (5), Cột (6), Cột (7): Ghi kinh phí hỗ trợ.

Cột (8): Ghi tổng kinh phí hỗ trợ.

Mẫu 06/DV - Biên bản nghiệm thu
Phụ biểu 01 - Biên bản
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm 202.....

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
SẢN LƯỢNG, KINH PHÍ HỖ TRỢ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
Quý... năm...

Doanh nghiệp:.....

I. Thành phần tham gia

1. Đại diện Ban Quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (bên A):

- Ông (bà):..... Chức vụ:.....

- .....

2. Đại diện doanh nghiệp (bên B):

- Ông (bà):..... Chức vụ:.....

- .....

II. Nội dung nghiệm thu

1. Phạm vi:

Nghiệm thu thực hiện hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ viễn thông công ích số.../ /HĐ/VTCI quý... năm..... (hoặc năm.....) của.....

2. Số liệu nghiệm thu:

Số liệu nghiệm thu chi tiết trong Phụ lục kèm theo

3. Thuyết minh:

(Nêu rõ nguyên nhân chênh lệch giữa số liệu nghiệm thu của Ban Quản lý và số liệu báo cáo của doanh nghiệp (nếu có):

.....

III. Nhận xét, kiến nghị

1. Nhận xét:

- .....

2. Kiến nghị với cơ quan cấp trên:

.....

3. Kết luận:

Biên bản này được lập thành... bản, mỗi bên giữ... bản.

Đại diện doanh nghiệp	**Đại diện Ban Quản lý Chương trình**
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Doanh nghiệp:...

MẪU 06/DV/Phụ biểu 02 [40]

(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Quý..... năm...

STT	Dịch vụ	Sản liệu đề nghị nghiệm thu		Sản liệu nghiệm thu		Chênh lệch		Ghi chú
		Sản lượng	Kinh phí	Sản lượng	Kinh phí	Sản lượng	Kinh phí	
A	*B*	*1*	*2*	*1*	*2*	*1*	*2*	*4*
1	Dịch vụ điện thoại cố định mặt đất trả sau							
2	Dịch vụ thông tin di động mặt đất trả sau							
3	Dịch vụ viễn thông di động hàng hải							
4	Dịch vụ viễn thông di động hàng hải phục vụ hoạt động tìm kiếm cứu nạn trên biển							

[40] Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại quy định tại điểm đ khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 5.1 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

5	Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định trả sau cho trường học, bệnh viện, Ủy ban nhân dân xã							
6	Dịch vụ duy trì điểm truy nhập Internet băng rộng							
7	Dịch vụ thuê kênh riêng cố định mặt đất							
8	Dịch vụ truyền dẫn tín hiệu truyền hình số qua băng Ku của vệ tinh VINASAT							
9	Dịch vụ trợ giúp tra cứu số thuê bao điện thoại cố định và Dịch vụ viễn thông bắt buộc							
10	Dịch vụ thuê kênh truyền dẫn cáp quang trên cơ sở hạ tầng cáp quang EVN							
11	Dịch vụ viễn thông vệ tinh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai							

12	Dịch vụ thuê truyền dẫn viba số để cung cấp dịch vụ băng rộng cho các huyện đảo							
13	Dịch vụ thuê kênh truyền dẫn vệ tinh ra huyện đảo							

....., ngày.... tháng..... năm .....

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

Doanh nghiệp:...

MẪU 06/DV Phụ biểu 03
(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
Dịch vụ:.....

Quý..... năm...

STT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu đề nghị nghiệm thu		Số liệu nghiệm thu		Số liệu chênh lệch		Ghi chú
		Sản lượng	Kinh phí (đồng)	Sản lượng	Kinh phí (đồng)	Sản lượng	Kinh phí (đồng)	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
...								

Doanh nghiệp:...

MẪU 06/DV/Phụ biểu 04 [41]
(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Năm...

STT	Dịch vụ	Sản liệu hợp đồng đặt hàng		Sản liệu đề nghị nghiệm thu		Sản liệu nghiệm thu		Chênh lệch		Ghi chú
		Sản lượng	Kinh phí	Sản lượng	Kinh phí	Sản lượng	Kinh phí	Sản lượng	Kinh phí	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*(7)=(3)-(5)*	*(8)=(4)-(6)*	*9*
1	Dịch vụ điện thoại cố định mặt đất trả sau									
2	Dịch vụ thông tin di động mặt đất trả sau									

[41] Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Phụ biểu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại quy định tại điểm đ khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 5.2 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

3	Dịch vụ viễn thông di động hàng hải									
4	Dịch vụ viễn thông di động hàng hải phục vụ hoạt động tìm kiếm cứu nạn trên biển									
5	Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định trả sau cho trường học, bệnh viện, Ủy ban nhân dân xã									
6	Dịch vụ duy trì điểm truy nhập Internet băng rộng									
7	Dịch vụ thuê kênh riêng cố định mặt đất									
8	Dịch vụ truyền dẫn tín hiệu truyền hình số qua băng Ku của vệ tinh VINASAT									
9	Dịch vụ trợ giúp tra cứu số thuê bao điện thoại cố định và Dịch vụ viễn thông bắt buộc									
10	Dịch vụ thuê kênh truyền dẫn cáp quang trên cơ sở hạ tầng cáp quang EVN									

11	Dịch vụ viễn thông vệ tinh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai									
12	Dịch vụ thuê truyền dẫn viba số để cung cấp dịch vụ băng rộng cho các huyện đảo									
13	Dịch vụ thuê kênh truyền dẫn vệ tinh ra huyện đảo									

....., ngày.... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

(Ký, ghi rõ họ tên)

Doanh nghiệp:...

MẪU 06/DV Phụ biểu 05
(Ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

SẢN LƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
Dịch vụ:.....
Năm...

STT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu đề nghị nghiệm thu		Số liệu nghiệm thu		Số liệu chênh lệch		Ghi chú
		Sản lượng (lượt thuê bao)	Kinh phí (đồng)	Sản lượng (lượt thuê bao)	Kinh phí (đồng)	Sản lượng (lượt thuê bao)	Kinh phí (đồng)	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
...								

Mẫu 07/DV -
Biên bản thanh lý hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ viễn thông công ích

Phụ biểu 01 - Biên bản
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG ĐẶT HÀNG
CUNG ỨNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
Số: /HĐ/VTCI 20...

Số: /HĐ/DVVTCI

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

- Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông về viễn thông;

- Căn cứ Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020;

- Căn cứ Quyết định số /QĐ-BTTTT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt kế hoạch cung ứng dịch vụ viễn thông công ích năm;

Hôm nay, ngày tháng năm 20 , tại Hà Nội chúng tôi gồm:

BÊN A: Bên đặt hàng cung ứng dịch vụ viễn thông công ích - Ban Quản lý chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

Đại diện :

Chức vụ :

Địa chỉ :

Điện thoại :

Fax :

Tài khoản :

Tại :

Mã số thuế :

BÊN B: Bên nhận đặt hàng cung ứng dịch vụ viễn thông công ích -

Đại diện :

Chức vụ :

Địa chỉ :

Điện thoại :

Fax :

Tài khoản :

Tại :

Mã số thuế :

Hai bên thống nhất ký kết Biên bản thanh lý Hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ viễn thông công ích số: /HĐ/VTCI ngày / / với các nội dung như sau:

I. Hồ sơ của Biên bản thanh lý:

1. Biên bản thanh lý và phụ lục số liệu chi tiết.

2. Các biên bản nghiệm thu sản lượng, biên bản xác định kinh phí cung ứng dịch vụ viễn thông công ích:

- Biên bản nghiệm thu dịch vụ viễn thông công ích năm ngày theo Hợp đồng đặt hàng số /HĐ/VTCI ngày giữa Ban Quản lý chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích với.....;

II. Phạm vi thanh lý:

Thanh lý phần sản lượng và kinh phí thực hiện cung ứng dịch vụ viễn thông công ích thuộc hợp đồng đặt hàng số /HĐ/VTCI ngày cho....

III. Nội dung các điều khoản thanh lý:

Điều 1: Tình hình chung thực hiện Hợp đồng đặt hàng

Điều 2: Kết quả thực hiện Hợp đồng đặt hàng

Tổng kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp được thanh toán trong năm là

2.2. Bên B đã cung ứng các dịch vụ viễn thông công ích cho các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo quy định của Nhà nước.

Điều 3: Thanh toán kinh phí thực hiện Hợp đồng

3.1. Tổng giá trị Hợp đồng đặt hàng số /HĐ/VTCI ngày :

3.2. Kinh phí được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt là:

3.3. Tổng kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp được thanh toán theo các biên bản nghiệm thu kinh phí hỗ trợ cung ứng dịch vụ viễn thông công ích trong là:

3.4. Tổng số kinh phí đã tạm ứng cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích năm:

* Tạm cấp đợt 1: đồng ngày .

* Tạm cấp đợt 2: đồng ngày:

3.5. Kinh phí doanh nghiệp còn được thanh toán (hoặc thu hồi) = Kinh phí được thanh toán (3.3) - Kinh phí đã tạm ứng (3.4)

Điều 4: Bên A có nghĩa vụ thanh toán cho bên B phần kinh phí như đã ghi tại khoản 3.5 Điều 3 biên bản này trong phạm vi 01 tháng, kể từ ngày hai bên hoàn thành thủ tục thanh lý Hợp đồng đặt hàng số /HĐ/VTCI ngày (theo quy định tại khoản 6 điều 8 Hợp đồng đặt hàng số: /HĐ/VTCI ngày

Điều 5: Sau khi được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt quyết toán năm , bên A sẽ thông báo kết quả phê duyệt quyết toán số kinh phí hỗ cung ứng dịch vụ viễn thông công ích năm cho bên B.

Điều 6: Ban Quản lý chương trình viễn thông công ích và thống nhất được thanh lý và kết thúc Hợp đồng đặt hàng số /HĐ/VTCI ngày .

Biên bản này gồm 06 điều, trang được đánh số liên tục từ trang 01 đến trang và phụ lục đi kèm. Biên bản này được lập thành 06 bản, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 03 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B

Mẫu 01/THS - Đơn đề nghị hỗ trợ đầu thu truyền hình số [42]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

Mẫu 01A/THS[43]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông Tỉnh (Thành phố).....

Tôi tên là:.....

Số CMND của chủ hộ..... nơi cấp..... cấp ngày.....

Điện thoại:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Mã số hộ nghèo, cận nghèo:

---

[42] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 6 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

[43] Cụm từ "Mẫu 01A/THS" được bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 6 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

Là chủ hộ gia đình thuộc diện:

□ Hộ nghèo

□ Hộ cận nghèo

theo tiêu chuẩn nghèo, cận nghèo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 19/11/2015 về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.

Hiện nay, gia đình tôi đã có máy thu hình công nghệ tương tự chưa tích hợp tính năng thu truyền hình số theo chuẩn DVB-T2, chưa có đầu thu truyền hình số DVB-T2, chưa sử dụng bất kỳ một trong các phương thức truyền hình trả tiền như truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh, truyền hình IPTV.

Tôi làm đơn này đề nghị được hỗ trợ đầu thu truyền hình số để sử dụng cho gia đình và cam kết không bán, cho, tặng đầu thu được hỗ trợ. Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

....., ngày..... tháng... năm...

XÁC NHẬN CỦA TRƯỞNG THÔN/PHỐ	**NGƯỜI LÀM ĐƠN**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: *Chỗ ở hiện tại ghi rõ thôn, xã, huyện, tỉnh (Thành phố)*

Mẫu 01B/THS[44]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ VỆ TINH

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông Tỉnh (Thành phố)

Họ và tên chủ hộ:.....

Số CMND..... nơi cấp..... cấp ngày.....

Điện thoại:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Mã số hộ nghèo, cận nghèo:

Là chủ hộ gia đình thuộc diện:

□ Hộ nghèo

□ Hộ cận nghèo

theo tiêu chuẩn nghèo, cận nghèo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 19/11/2015 về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.

Hiện nay, gia đình tôi đã có máy thu hình, không thu xem được truyền hình số mặt đất DVB-T2 và chưa sử dụng bất kỳ một trong các phương thức truyền hình trả tiền như truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh, truyền hình IPTV.

---

[44] Cụm từ "Mẫu 01B/THS" và mẫu 01B/THS được bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 6 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020

Tôi làm đơn này đề nghị được hỗ trợ đầu thu truyền hình số để sử dụng cho gia đình và cam kết không bán, cho, tặng đầu thu được hỗ trợ. Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

....., ngày..... tháng... năm...

XÁC NHẬN CỦA TRƯỞNG THÔN/PHỐ	**NGƯỜI LÀM ĐƠN**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: *Chỗ ở hiện tại ghi rõ tổ dân phố/thôn, xã/phường, quận/huyện, tỉnh (Thành phố).*

Mẫu 02/THS[45]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...

BẢNG TỔNG HỢP ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ

TT	Đối tượng hỗ trợ	Tổng	Trong đó		Ghi chú
			DVB-T2	***DTH***	
A	*B*	*1*	2	3	4
1	Hộ nghèo				
2	Hộ cận nghèo				
	Tổng				

Ghi chú: Cột (1) = Cột (2) + Cột (3)

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

[45] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 7 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

Mẫu 03/THS [46]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

Mẫu 03A/THS[47]

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...

DANH SÁCH HỘ NGHÈO ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT (DVB-T2) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ

STT	Quận/ Huyện	Xã/phường	Tên chủ hộ	Mã số hộ nghèo	Số CMND của chủ hộ	Điện thoại	Địa chỉ
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*

....., ngày..... tháng..... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

[46] Cụm từ "**Mẫu 03A/THS"** được bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 8 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020

Cách lập biểu:

Cột (A): Ghi số thứ tự của hộ.

Cột (B), cột (C): Ghi tên huyện, xã

Cột (1): Ghi họ và tên của chủ hộ.

Cột (2): Ghi mã số hộ nghèo.

Cột (3): Ghi số CMND của chủ hộ.

Cột (4): Ghi số điện thoại của hộ (nếu có).

Cột (5): Ghi địa chỉ của hộ: số nhà, thôn/bản/khối phố.

Ghi chú: *Trường hợp trường thông tin tại Cột (2), Cột (3) không có thông tin, đề nghị địa phương ghi rõ lý do*.

Mẫu 03B/THS[48]

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...

DANH SÁCH HỘ NGHÈO ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ VỆ TINH (DTH) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ

STT	Quận/ Huyện	Xã/phường	Tên chủ hộ	Mã số hộ nghèo	Số CMND của chủ hộ	Điện thoại	Địa chỉ
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Cách lập biểu:
Cột (A): Ghi số thứ tự của hộ.
Cột (B), cột (C): Ghi tên huyện, xã
Cột (1): Ghi họ và tên của chủ hộ.
Cột (2): Ghi mã số hộ nghèo.
Cột (3): Ghi số CMND của chủ hộ.
Cột (4): Ghi số điện thoại của hộ (nếu có).
Cột (5): Ghi địa chỉ của hộ: số nhà, thôn/bản/khối phố.

Ghi chú: *Trường hợp trường thông tin tại Cột (2), Cột (3) không có thông tin, đề nghị địa phương ghi rõ lý do*.

---

[48] Cụm từ **"Mẫu 03B/THS"** và bổ sung nội dung Mẫu 03B/THS được bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 8 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

Mẫu 04/THS [49]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

Mẫu 04A/THS[50]

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...

DANH SÁCH HỘ CẬN NGHÈO ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT (DVB-T2) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ

STT	Quận/ Huyện	Xã/phường	Tên chủ hộ	Mã số hộ cận nghèo	Số CMND của chủ hộ	Điện thoại	Địa chỉ
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

---

[49] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 9 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

[50] Cụm từ "**Mẫu 04A/THS"** được bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 9 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

Cách lập biểu:

Cột (A): Ghi số thứ tự của hộ.

Cột (B), cột (C): Ghi tên huyện, xã

Cột (1): Ghi họ và tên của chủ hộ.

Cột (2): Ghi mã số hộ cận nghèo.

Cột (3): Ghi số CMND của chủ hộ.

Cột (4): Ghi số điện thoại của hộ (nếu có).

Cột (5): Ghi địa chỉ của hộ: số nhà, thôn/bản/khối phố

Ghi chú: Trường hợp trường thông tin tại Cột (2), Cột (3) không có thông tin, đề nghị địa phương ghi rõ lý do.

Mẫu 04B/THS[51]

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...

DANH SÁCH HỘ CẬN NGHÈO ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ VỆ TINH (DTH) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ

STT	Quận/ Huyện	Xã/phường	Tên chủ hộ	Mã số hộ nghèo	Số CMND của chủ hộ	Điện thoại	Địa chỉ
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*

....., ngày.....tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Cách lập biểu:
Cột (A): Ghi số thứ tự của hộ.
Cột (B), cột (C): Ghi tên huyện, xã
Cột (1): Ghi họ và tên của chủ hộ.
Cột (2): Ghi mã số hộ nghèo.
Cột (3): Ghi số CMND của chủ hộ.
Cột (4): Ghi số điện thoại của hộ (nếu có).
Cột (5): Ghi địa chỉ của hộ: số nhà, thôn/bản/khối phố.

Ghi chú: *Trường hợp trường thông tin tại Cột (2), Cột (3) không có thông tin, đề nghị địa phương ghi rõ lý do*.

---

[51] Cụm từ **"Mẫu 04B/THS"** và bổ sung nội dung Mẫu 04B/THS được bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 9 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

Mẫu 05/THS [52]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

Mẫu 05A/THS[53]

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...

KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT (DVB-T2)
Tỉnh, Thành phố:.....

STT	Tỉnh, Thành phố/ Huyện/xã	Số lượng (đầu thu)			Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)			Thời gian thực hiện	Ghi chú
		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Tổng	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Tổng		
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
1	**Quận (Huyện)....**								
1.1	Xã.....								
1.2	Xã.....								
1.3	...								

[52] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 10 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

[53] Cụm từ "**Mẫu 05A/THS"** được bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 10 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

2	**Quận (Huyện)....**								
2.1	Xã.....								
2.2	Xã.....								
	.....								
	Cộng								

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 05B/THS[54]

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...

KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ VỆ TINH (DTH)
Tỉnh, Thành phố:.....

STT	Tỉnh, Thành phố/Huyện/xã	Số lượng (đầu thu)			Kinh phí (triệu đồng)			Thời gian thực hiện	Ghi chú
		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Tổng	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Tổng		
A	*B*	*1*	*2*	*3*					*4*
1	**Quận (Huyện)....**								
1.1	Xã.....								
2	**Quận (Huyện)....**								
2.1	Xã.....								
2.2	Xã.....								
	Cộng								

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

---

[54] Cụm từ **"Mẫu 05B/THS"** và bổ sung nội dung Mẫu 05B/THS được bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 10 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020

Mẫu 06/THS[55]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

Mẫu 06A/THS[56]

NHÀ THẦU:.....

BẢNG KÊ CHI TIẾT ĐỐI TƯỢNG ĐÃ NHẬN HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT (DVB-T2)

Tỉnh, Thành phố:.....

STT	Quận/ Huyện	Xã/phường	Tên chủ hộ	Mã số hộ nghèo, cận nghèo	Số CMND của chủ hộ	Số điện thoại	Địa chỉ	Đối tượng được hỗ trợ		Số thiết bị (Seri number)	Ngày bàn giao/lắp đặt
								Hộ nghèo	Hộ cận nghèo		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1											
2											

[55] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 11 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

[56] Cụm từ "**Mẫu 06A/THS"** được bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 11 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

3											
4											
5											
...											
	Tổng số hộ được hỗ trợ:..... hộ					**Tổng kinh phí được hỗ trợ:..... đồng**					

....., ngày..... tháng..... năm.....

XÁC NHẬN CỦA
UBND TỈNH, THÀNH PHỐ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: *Trường hợp trường thông tin tại Cột (2) hoặc Cột (3) không có thông tin, đề nghị Nhà thầu ghi rõ lý do và có xác nhận của chính quyền địa phương.*

Mẫu 06B/THS[57]

NHÀ THẦU:.....

BẢNG KÊ CHI TIẾT ĐỐI TƯỢNG ĐÃ NHẬN HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ VỆ TINH (DTH)

Tỉnh, Thành phố:.....

STT	Quận/ Huyện	Xã/phường	Tên chủ hộ	Mã số hộ nghèo, cận nghèo	Số CMND của chủ hộ	Số điện thoại	Địa chỉ	Đối tượng được hỗ trợ		Số thiết bị (Seri number)	Ngày bàn giao/ lắp đặt
								Hộ nghèo	Hộ cận nghèo		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1											
	Tổng số hộ được hỗ trợ:..... hộ					Tổng kinh phí được hỗ trợ:..... đồng					

....., ngày..... tháng..... năm.....

XÁC NHẬN CỦA
UBND TỈNH, THÀNH PHỐ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: *Trường hợp trường thông tin tại Cột (2) hoặc Cột (3) không có thông tin, đề nghị Nhà thầu ghi rõ lý do và có xác nhận của chính quyền địa phương.*

---

[57] Cụm từ **"Mẫu 06B/THS"** và bổ sung nội dung Mẫu 06B/THS được bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Mục 11 Phụ lục 1 Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

Mẫu 07/THS - Báo cáo số lượng và kinh phí hỗ trợ đầu thu truyền hình số

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

CHỦ ĐẦU TƯ:.....

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ

Tỉnh, Thành phố:.....

STT	Tỉnh, Thành phố/ Huyện/xã	Số lượng (đầu thu)			Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)			Ghi chú
		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Tổng	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Tổng	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
1	**Quận (Huyện)....**							
1.1	Xã.....							
1.2	Xã.....							
2	**Quận (Huyện)....**							
2.1	Xã.....							
2.2	Xã.....							
	.....							
	Cộng							

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 01/BC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG
CÔNG ÍCH VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCNV

....., ngày tháng năm.....

BÁO CÁO NGUỒN VỐN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM
(Quý/6 tháng/năm)

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Luỹ kế số tiền Quỹ đã thu được từ đầu chương trình đến đầu kỳ báo cáo	Số tiền đóng góp của doanh nghiệp trong kỳ			Luỹ kế số tiền Quỹ đã thu được từ đầu chương trình đến cuối kỳ báo cáo	Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	So sánh (%)		
		1	2	3	4=(3)/(2)	5=(1)+(3)	6
1	Doanh nghiệp a						
2	Doanh nghiệp b						
...							
	Tổng số						

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú

- Quỹ sử dụng mẫu báo cáo này để báo cáo nguồn vốn hoạt động của Quỹ.

- Quỹ gửi Ban Quản lý Chương trình các báo cáo quý I, quý III trước ngày 10 của tháng đầu quý tiếp theo, báo cáo 6 tháng trước ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo, báo cáo năm trước ngày 10 tháng 02 năm sau.

Mẫu 02A/BC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Số: /BCSDKP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ CỦA CHƯƠNG TRÌNH
(Quý/6 tháng/năm)

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Đơn vị tính: Triệu đồng

Mã số	Nội dung	Tổng số kinh phí đã hỗ trợ doanh nghiệp từ đầu chương trình đến đầu kỳ báo cáo	Kế hoạch được duyệt trong năm	Số tiền hỗ trợ trong kỳ		So sánh (%)	Lũy kế từ đầu chương trình đến cuối kỳ báo cáo	Ghi chú
				Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm			
A	B	1	2	3	4	5=(4)/(2)	6=(1)+(3)	7
1	(Theo các nhiệm vụ tại Quyết định số 1168/QĐ-TTg)							
	Tổng số kinh phí	.....	.....	.....	....		.....	

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú

- Ban Quản lý Chương trình sử dụng mẫu này báo cáo tình hình sử dụng kinh phí Chương trình.

- Ban Quản lý Chương trình gửi Bộ Thông tin và Truyền thông các báo cáo quý I, quý III trước ngày 10 của tháng đầu quý tiếp theo, báo cáo 6 tháng trước ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo, báo cáo năm trước ngày 10 tháng 02 năm sau.

Mẫu 02B/BC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Số: /BCSL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

BÁO CÁO SẢN LƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH
(Quý/6 tháng/năm)

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Mã số	Nội dung	Đơn vị	Tổng số sản lượng đã hỗ trợ doanh nghiệp từ đầu chương trình đến đầu kỳ báo cáo	Kế hoạch được duyệt trong năm	Sản lượng hỗ trợ trong kỳ		So sánh (%)	Lũy kế từ đầu chương trình đến cuối kỳ báo cáo	Ghi chú
					Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm			
A	B	C	1	2	3	4	5=(4)/(2)	6=(1)+(3)	7
1	(Theo các nhiệm vụ tại Quyết định số 1168/QĐ-TTg)								
			.....	.....	.....	....		.....	

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú

- Ban Quản lý Chương trình sử dụng mẫu này báo cáo sản lượng dịch vụ viễn thông công ích được hỗ trợ của Chương trình.

- Ban Quản lý Chương trình gửi Bộ Thông tin và Truyền thông các báo cáo quý I, quý III trước ngày 10 của tháng đầu quý tiếp theo, báo cáo 6 tháng trước ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo, báo cáo năm trước ngày 10 tháng 02 năm sau.

Mẫu 03A/BC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

DOANH NGHIỆP VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCSDKP

....., ngày tháng năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ CỦA CHƯƠNG TRÌNH
(Quý/6 tháng/năm)

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Đơn vị tính: Triệu đồng

Mã số	Nội dung	Tổng số kinh phí đã hỗ trợ doanh nghiệp từ đầu chương trình đến đầu kỳ báo cáo	Kế hoạch được duyệt trong năm	Số tiền hỗ trợ trong kỳ		So sánh (%)	Lũy kế từ đầu chương trình đến cuối kỳ báo cáo	Ghi chú
				Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm			
A	B	1	2	3	4	5=(4)/(2)	6=(1)+(3)	7
1	(Theo các nhiệm vụ tại Quyết định số 1168/QĐ-TTg)							
	Tổng số kinh phí	.....	.....	.....	....		.....	

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú

- Doanh nghiệp viễn thông sử dụng mẫu này báo cáo Ban Quản lý Chương trình tình hình sử dụng kinh phí Chương trình.

- Doanh nghiệp viễn thông gửi Ban Quản lý Chương trình các báo cáo quý I, quý III trước ngày 10 của tháng đầu quý tiếp theo, báo cáo 6 tháng trước ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo, báo cáo năm trước ngày 10 tháng 02 năm sau.

Mẫu 03B/BC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT)

DOANH NGHIỆP VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCSL

....., ngày tháng năm.....

BÁO CÁO SẢN LƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH
(Quý/6 tháng/năm)

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Mã số	Nội dung	Đơn vị	Tổng số sản lượng đã hỗ trợ doanh nghiệp từ đầu chương trình đến đầu kỳ báo cáo	Kế hoạch được duyệt trong năm	Sản lượng hỗ trợ trong kỳ		So sánh (%)	Lũy kế từ đầu chương trình đến cuối kỳ báo cáo	Ghi chú
					Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm			
A	B	C	1	2	3	4	5=(4)/(2)	6=(1)+(3)	7
1	(Theo các nhiệm vụ tại Quyết định số 1168/QĐ-TTg)								
2									

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú

- Doanh nghiệp viễn thông sử dụng mẫu này báo cáo Ban Quản lý Chương trình sản lượng dịch vụ viễn thông công ích được hỗ trợ của Chương trình.

- Doanh nghiệp viễn thông gửi Ban Quản lý Chương trình các báo cáo quý I, quý III trước ngày 10 của tháng đầu quý tiếp theo, báo cáo 6 tháng trước ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo, báo cáo năm trước ngày 10 tháng 02 năm sau.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng